

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 07 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đức

2. Ông Lưu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 07 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2021/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: : Chị Lâm Thị B, sinh năm 1985,

Địa chỉ: ấp M Đ C, xã V K, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh Lương Văn N, sinh năm 1973,

Địa chỉ: ấp T H, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lâm Thị B trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị B và anh N kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã Đông Hưng B. Chung sống hạnh phúc đến năm 2013, từ năm 2014 anh N đam mê cờ bạc và còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường hay cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc đến năm 2018 chị và anh N ly thân nhau.

- Về con chung: Có 03 người tên Lương Thị Ngọc M, sinh ngày 29/9/2009; Lương Thị Ngọc N1, sinh ngày 23/3/2011; Lương Hữu V, sinh ngày 29/12/2018, hiện nay các con chung đều ở chung với chị.

- Về tài sản: không tranh chấp.

- Về nợ: Không có.

Chị B yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về tình cảm vợ chồng: Chị B xin được ly hôn với anh Lương Văn N.

- Về con chung: Chị B yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu.

Tại phiên tòa: Chị B vắng mặt nên không có lời trình bày.

*** Bị đơn anh Lương Văn N vắng mặt không có lời trình bày:**

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về tình cảm vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị B được ly hôn với anh N; về con chung: Giao 03 người con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung và không nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự vắng mặt nên được xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và ngày 16/4/2022 chị B nộp đơn xin giải quyết vắng mặt, ngày 12/5/2022 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự và hoãn phiên tòa lần thứ nhất do anh N vắng mặt không lý do, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho anh N nhưng anh N vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị B và anh Lương Văn N chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã Đông Hưng B nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau, dẫn đến hay cãi nhau chị B và anh N đã ly thân nhau từ khoảng năm 2018 đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 10/5/2022, cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị B và anh N thường xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau, cuộc sống giữa hai người không hạnh phúc và đã ly thân nhiều năm nay.

Xét thấy giữa chị B và anh N đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, hai người không có biện pháp hàn gắn. Như vậy, hôn nhân giữa chị B và anh N không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B và đề nghị của Kiểm sát viên. Cho chị B được ly hôn với anh N.

[3] Về quan hệ con chung: Có 03 người tên Lương Thị Ngọc M, sinh ngày 29/9/2009; Lương Thị Ngọc N1, sinh ngày 23/3/2011; Lương Hữu V, sinh ngày 29/12/2018, hiện nay 03 người con chung đều sống chung với chị B, tại đơn xin trình bày nguyện vọng của cháu Lương Thị Ngọc N1 ngày 26/02/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2022 đối với cháu N1 và biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2022 đối với cháu Lương Thị Ngọc M thì cháu N1 và M đều có nguyện vọng được sống chung với chị B. Xét thấy mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị B là đảm bảo cho việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị B. Giao 03 người tên Lương Thị Ngọc M, ngày 29/9/2009; Lương Thị Ngọc N1, sinh ngày 23/3/2011; Lương Hữu V, sinh ngày 29/12/2018 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lâm Thị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Thị B xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lâm Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị B.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Lâm Thị B được ly hôn với anh Lương Văn N.

- *Về quan hệ con chung:* Giao 03 người con chung tên Lương Thị Ngọc M, sinh ngày 29/9/2009; Lương Thị Ngọc N1, sinh ngày 23/3/2011; Lương Hữu V, sinh ngày 29/12/2018 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Lâm Thị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Lâm Thị B xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Lâm Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số: 0005189 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị B đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, báo cho chị Lâm Thị B và anh Lương Văn N biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Đông Hưng B;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

